

Số: Q5/QĐ-MNHH

Ea T'ling, ngày 22 tháng 1 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công khai tài chính năm học 2023-2024
Ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo cú Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 01/TC-CB ngày 27/8/1998 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập trường MN Hoa Hồng, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai thu, chi tài chính ngoài ngân sách năm học 2023-2024.

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm giám sát đầy đủ chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo quy định của thông tư 09/2024/TT-BGDĐT và Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Niêm yết công khai tại bảng thông báo; Công khai đến toàn thể viên chức, cha mẹ trẻ và đăng Trang web của nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Phòng GD&ĐT (B/c);
- Ban ĐDCMHS (để biết)
- Viên chức nhà trường;
- Niêm yết bảng thông báo, trang Web;
- Lưu:HS.



Nguyễn Thị Hà

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NĂM 2024(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-MNHH ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Hiệu trưởng trường mầm non Hoa Hồng)

Mã nguồn	Khoản	Nội dung chi	Nguồn NSNN	
			NSNN trong nước	Viện trợ
A	B	E	2	3
		I Số thu phí, lệ phí	78.327.720	0
		Học phí	78.327.720	0
		Chi từ nguồn thu phí được để lại	78.327.720	0
		Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	77.169.120	0
		Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32.359.698	0
		Kinh phí nhiệm vụ CCTL	43.106.280	0
		Chi nộp 5% tiết kiệm cắt giảm	1.703.142	0
		Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.158.600	0
		Nộp thuế	1.158.600	0
		Thuế từ nguồn thu học phí	1.158.600	0
		Dự toán còn lại chi CCTL năm 2024	0	0
		II Nguồn ngân sách	4.437.849.448	0
		1. Kinh phí thường xuyên/ tự chủ	4.258.289.448	0
13	071		4.258.289.448	0
		Tiền lương	1.917.752.383	0
		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	78.494.400	0
		Phụ cấp lương	1.529.346.495	0
		Phúc lợi tập thể	9.326.940	0
		Các khoản đóng góp	532.777.426	0
		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	11.500.000	0
		Thanh toán dịch vụ công cộng	5.394.322	0
		Vật tư văn phòng	40.626.590	0
		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10.133.620	0
		Công tác phí	15.730.000	0
		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	16.890.000	0
		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	16.290.000	0
		Các khoản Chi khác	74.027.272	0
		2. Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	179.560.000	0
13	071		154.817.780	0

	tiền ăn trưa của trẻ mẫu giáo(theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 từ tháng 9-> 12/2023 năm học 2023-2024	26.080.000	0
	Công tác phí	21.480.000	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng Vật tư văn phòng	73.097.780	0
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	34.160.000	0
	TỔNG CỘNG	4.695.737.168	0

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU HUY ĐỘNG, TÀI TRỢ NGOÀI NGÂN SÁCH
NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Tồn năm học 2022-2023	Tổng số tiền thu được	Tổng số tiền chi	Tồn mang sang năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Quỹ Ban đại diện CMHS	0	22.250.000	22.250.000	-	Theo thông tư 55/2000/TT-BGDDT
	Tài trợ, viện trợ theo thông tư 16/2018/TT-BGDDT tập thể, cá nhân tài trợ làm mái che đường đi từ khu nhà lớp học lên khu nhà đa chức năng	0	12.000.000	12.000.000		Theo thông tư 16/2018/TT-BGDDT
2	Các khoản thu thỏa thuận phục vụ học sinh	0	970.263.000	970.263.000	-	Theo NQ 06/2021/NQ-HDND tỉnh Đắk Nông
3	bán trú :	0	926.431.000	926.431.000	-	
3.1	Tiền ăn và tiền chăm sóc giấc ngủ báo mẫu, Tiền thuê nhân viên cấp dưỡng	0	27.200.000	27.200.000	-	
3.2	Đồ dùng bán trú (Trang bị đầu cấp và trang bị hàng năm)	0	5.940.000	5.940.000	-	
3.3	Trang thiết bị cá nhân cho học sinh bán trú	0	10.692.000	10.692.000	-	
3.4	Điện sử dụng qua	0	31.680.000	31.680.000	-	Theo NQ 06/2021/NQ-HDND tỉnh Đắk Nông
4	Các khoản thu thỏa thuận Phục vụ trực tiếp cho người học	0	17.820.000	17.820.000	-	
4.1	Nước uống cho học sinh	0	1.036.193.000	1.036.193.000	-	
4.2	Thuê người dọn vệ sinh khu nhà vệ sinh học sinh	0				
TỔNG CỘNG		-				

Kế toán

Ea TLing, Ngày 31 tháng 05 năm 2024
Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thùy

